

C, ngày 27 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

-Căn cứ vào Điều 212,213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 08 năm 2020 Về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 v/v: ***“Kiện tranh chấp về thừa kế tài sản”***

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 19.08.2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Vũ Ngọc A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh

- **Bị đơn:** Bà Vũ Thị B, sinh năm: 1936.

Trú Tại: Tổ 4, khu Nam Tân, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

-Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1944. Địa chỉ: Thôn D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

-Chị Vũ Thị H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn O, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

-Chị Vũ Thị I, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Thôn D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

-Chị Vũ Thị K, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Thôn D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

-Chị Vũ Thị Thanh L, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Khu P, phường Q, thị xã C, tỉnh

Quảng Ninh.

-Chị Vũ Thị M, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Thôn D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

-Anh Vũ Tất N, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Thôn D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Các đương sự đều thừa nhận ông bà nội là ông Vũ Văn R, sinh năm 1910 (chết năm 1994) và bà Bùi Thị S, sinh năm 1907 (chết năm 2003), khi còn sống ông bà ở tại địa chỉ: Thôn 12, xã Hiệp Hòa, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sinh thời ông bà sinh được 02 (hai) người con là bà Vũ Thị B, sinh năm 1936 và ông Vũ Đình T, sinh năm 1944 (ông T chết năm 2004). Ông Vũ Đình T có vợ là bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1944, ông, bà sinh được 7 người con là Vũ Ngọc A, sinh năm 1975, chị Vũ Thị H, sinh năm 1969, chị Vũ Thị I, sinh năm 1971, chị Vũ Thị K, sinh năm 1980, chị Vũ Thị Thanh L, sinh năm 1983, chị Vũ Thị M, sinh năm 1985, anh Vũ Tất N, sinh năm 1988.

Khi ông R, bà S chết đi để lại diện tích đất là 574,0m² đất tại Thửa đất số 206 (Thửa mới 96) tờ bản đồ số 22 (tờ mới 24), địa chỉ Thôn 12, xã Hiệp Hòa, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh (Ông R, bà S tạo dựng khoảng năm 1936 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Các đương sự thông nhất giá trị của thửa đất có giá 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) và tài sản trên đất gồm có 01 móng nhà gỗ 5 gian, hiện trạng còn 01 bức tường hồi nhà, mái lợp tôn có diện tích 50m²; và một số cây trồng gồm: 03 cây me, 03 cây bạch đàn, 01 cây sà cừ, 10 cây chuối, 01 bụi tre.

-Các đương sự gồm anh Vũ Ngọc A, bà Vũ Thị B, bà Nguyễn Thị G, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị I, bà Vũ Thị K, bà Vũ Thị Thanh L, anh Vũ Tất N và bà Vũ Thị M thỏa thuận: Anh Vũ Ngọc A được sử dụng toàn bộ diện tích 574,0m² đất tại Thửa đất số 206 (Thửa mới 96) tờ bản đồ số 22 (tờ mới 24), địa chỉ Thôn 12, xã Hiệp Hòa, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh, giá trị của thửa đất là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất là 01 móng nhà gỗ 5 gian, 01 bức tường hồi nhà, 01 mái lợp tôn có diện tích 50m²; và 03 cây me, 03 cây bạch đàn, 01 cây sà cừ, 10 cây chuối, 01 bụi tre. Anh Vũ Ngọc Hoàn có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản thừa kế cho bà Vũ Thị B số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). (Có sơ đồ trích thửa kèm theo). Anh Vũ Ngọc A không phải trả tiền chênh lệch chia tài sản thừa kế cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị I, bà Vũ Thị K, bà Vũ Thị Nga, anh Vũ Tất N và bà Vũ Thị M.

-*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Vũ Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Vũ Ngọc A không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Ngọc A phải chịu số tiền án phí chia tài sản

thừa kế 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). Nhưng được trừ đi số tiền 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) anh A nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001813 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Anh A còn phải nộp số tiền án phí là 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

-Bà Vũ Thị B được miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi thành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 –Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS ND TX C.
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- Chi cục thi hành án TX. C.
- Hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Chí Mạnh